

Phụ lục II
NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA NGÀNH Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số 3303 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2026
của Chủ tịch UBND thành phố Đồng Nai)

1. Thủ tục Công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh. Mã số TTHC: 1.012295

a. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính

- **Lý do:** Nhiều năm liên không phát sinh hồ sơ.
- **Thẩm quyền đơn giản hóa:** Chính phủ; Bộ Y tế.

b. Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Chính phủ: Sửa đổi Điều 142 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Kiến nghị Bộ Y tế: Bãi bỏ TTHC số thứ tự 36 khoản II Mục 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 2976/QĐ-BYT ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 159/QĐ-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC bị thay thế và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và Quyết định số 743/QĐ-BYT ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 159/QĐ-BYT.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 10 ngày = 5.714.390 đồng/01 hồ sơ).

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 0 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 5.714.390 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

2. Thủ tục Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng. Mã số TTHC: 1.013034

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 1,5 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- Lý do:

+ Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

+ Thực hiện mục tiêu “đơn giản hóa quy trình, rút ngắn tối thiểu 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp” theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 01 tháng 5 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Đồng Nai (Khóa I).

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ; Bộ Y tế.

b. Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Chính phủ: Sửa đổi khoản 3 Điều 9 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).

- Kiến nghị Bộ Y tế: Sửa đổi thời hạn giải quyết của TTHC “Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng” - mã số: 1.013034 tại Quyết định số 3555/QĐ-BYT ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC được thay thế và TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- *Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2025) x 05 ngày làm việc = 2.857.195 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 2.857.195 đồng x 30 hồ sơ (ước hồ sơ phát sinh năm 2026) = 85.715.850 đồng.

- *Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng (thu nhập bình quân/1 ngày/năm 2025) x 3,5 ngày = 2.000.037 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 2.000.037 đồng x 30 hồ sơ (ước hồ sơ phát sinh năm 2026) = 60.001.110 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 2.857.195 đồng - 2.000.037 đồng = 857.158 đồng/01 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2026: 857.158 đồng x 30 hồ sơ = 25.714.740 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

3. Thủ tục Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV. Mã số TTHC: 1.013035

a. Nội dung đơn giản hóa:

Giảm 1,5 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- Lý do:

+ Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

+ Thực hiện mục tiêu “đơn giản hóa quy trình, rút ngắn tối thiểu 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp” theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 01 tháng 5 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Đồng Nai (Khóa I).

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ; Bộ Y tế.

b. Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị Chính phủ: Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).

- Kiến nghị Bộ Y tế: Sửa đổi thời hạn giải quyết của TTHC “Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV” - mã số: 1.013035 tại Quyết định số 3555/QĐ-BYT ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC được thay thế và TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2025) x 05 ngày làm việc = 2.857.195 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 2.857.195 đồng x 01 hồ sơ (ước hồ sơ phát sinh năm 2026) = 2.857.195 đồng.

- *Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng (thu nhập bình quân/1 ngày/năm 2025) x 3,5 ngày = 2.000.037 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 2.000.037 đồng x 01 hồ sơ (ước hồ sơ phát sinh năm 2026) = 2.000.037 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 2.857.195 đồng - 2.000.037 đồng = 857.158 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2026: 857.158 đồng x 01 hồ sơ = 857.158 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

4. Thủ tục Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân. Mã số TTHC: 1.014010

a. Nội dung đơn giản hóa: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp Giấy phép thành lập/Giấy phép hoạt động đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật trong trường hợp thông tin về Giấy phép thành lập/Giấy phép hoạt động đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và có thể khai thác, sử dụng để giải quyết thủ tục hành chính.

- *Lý do:*

+ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã được công bố tại Quyết định số 11/2026/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo cơ sở cho việc kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin phục vụ giải quyết TTHC. Trường hợp thông tin về Giấy phép thành lập, Giấy phép hoạt động đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) đã được cập nhật, quản lý trong CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì cơ quan thực hiện thủ tục hành chính khai thác, kiểm tra thông tin để giải quyết TTHC theo quy định.

+ Việc khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành góp phần giảm giấy tờ phải cung cấp, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân, đồng thời thực hiện mục tiêu tại điểm d khoản 2 Mục II Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về việc bảo đảm thông tin, giấy tờ, tài liệu trong TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước và phù hợp với định hướng đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ; Bộ Y tế.

b. Kiến nghị thực thi

- *Kiến nghị Chính phủ*: Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 40 Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống mua bán người.

- *Kiến nghị Bộ Y tế*: Sửa đổi thành phần hồ sơ của TTHC “Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân” tại điểm a, khoản 1.3, tiểu mục 1, mục A Phần II nội dung cụ thể của từng TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế ban hành kèm Quyết định số 2179/QĐ-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Theo quy định Quyết định số 2179/QĐ-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế, tổ chức, cá nhân chuẩn bị và nộp Giấy phép thành lập/Giấy phép hoạt động đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật là bản chính, bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử. Các thông tin này đã được cập nhật trong cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ quan nhà nước có thể khai thác để phục vụ giải quyết TTHC. Việc yêu cầu nộp lại các giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu làm phát sinh thêm thời gian tra cứu, sao chụp, chứng thực (nếu có), hoàn thiện hồ sơ và nộp tài liệu, làm tăng chi phí tuân thủ của tổ chức, cá nhân. Sau khi đơn giản hóa, cơ quan giải quyết TTHC chủ động khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tổ chức, cá nhân không phải chuẩn bị và nộp lại các giấy tờ này, qua đó giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ và chi phí tuân thủ. Ước tính thời gian thực hiện giảm từ 02 ngày xuống còn 01 ngày/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày năm 2025) $\times$ 02 ngày = 1.142.878 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 1.142.878 đồng $\times$ 01 hồ sơ (ước tính tiếp nhận năm 2026) = 1.142.878 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày năm 2025) $\times$ 01 ngày = 571.439 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 571.439 đồng $\times$ 01 hồ sơ (ước tính tiếp nhận năm 2026) = 571.439 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 1.142.878 đồng – 571.439 đồng = 571.439 đồng/01 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2026: 571.439 đồng $\times$ 01 hồ sơ = 571.439 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

5. Thủ tục Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân. Mã TTHC: 1.014011

a. Nội dung đơn giản hóa: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động hỗ trợ nạn nhân đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở trong trường hợp thông tin về Giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và có thể khai thác, sử dụng để giải quyết TTHC.

- Lý do:

+ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai đã được công bố tại Quyết định số 11/2026/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo cơ sở cho việc kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin phục vụ giải quyết TTHC. Trường hợp thông tin về Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động hỗ trợ nạn nhân đã được cập nhật, quản lý trong CSDL quốc gia về đất đai thì cơ quan thực hiện TTHC khai thác, kiểm tra thông tin để giải quyết TTHC theo quy định.

+ Việc khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành góp phần giảm giấy tờ phải cung cấp, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân, đồng thời thực hiện mục tiêu tại điểm d khoản 2 Mục II Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về việc bảo đảm thông tin, giấy tờ, tài liệu trong TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước và phù hợp với định hướng đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ; Bộ Y tế.

b. Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Chính phủ: Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 41 Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống mua bán người.

- Kiến nghị Bộ Y tế: Sửa đổi thành phần hồ sơ của TTHC “Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân” tại điểm a, khoản 2.3, tiểu mục 2, mục A Phần II nội dung cụ thể của từng TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế ban hành kèm Quyết định số 2179/QĐ-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Theo quy định Quyết định số 2179/QĐ-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế, tổ chức, cá nhân nộp Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động hỗ trợ nạn nhân đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở là bản chính, bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử. Các thông tin này đã được cập nhật trong cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ quan nhà nước có thể khai thác để phục vụ giải quyết TTHC. Việc yêu cầu nộp lại các giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu làm phát sinh thêm thời gian tra cứu, sao chụp, chứng thực (nếu có), hoàn thiện hồ sơ và nộp tài liệu, làm tăng chi phí tuân thủ của tổ chức, cá nhân. Sau khi đơn giản hóa, cơ quan giải quyết TTHC chủ động khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tổ chức, cá nhân không phải chuẩn bị và nộp lại các giấy tờ này, qua đó giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ và chi phí tuân thủ. Ước tính thời gian thực hiện giảm từ 02 ngày xuống còn 01 ngày/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày năm 2025) $\times$ 02 ngày = 1.142.878 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 1.142.878 đồng $\times$ 01 hồ sơ (ước tính tiếp nhận năm 2026) = 1.142.878 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày năm 2025) $\times$ 01 ngày = 571.439 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 571.439 đồng $\times$ 01 hồ sơ (ước tính tiếp nhận năm 2026) = 571.439 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 1.142.878 đồng – 571.439 đồng = 571.439 đồng/01 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2026: 571.439 đồng $\times$ 01 hồ sơ = 571.439 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

6. Thủ tục Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân. Mã TTHC: 2.000025

a. Nội dung đơn giản hóa: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình của bên cho thuê/cho mượn (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở) trong trường hợp thông tin về Giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và có thể khai thác, sử dụng để giải quyết thủ tục hành chính.

- Lý do:

+ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai đã được công bố tại Quyết định số 11/2026/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo cơ sở cho việc kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin phục vụ giải quyết TTHC. Trường hợp thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình của bên cho thuê/cho mượn (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở) đã được cập nhật, quản lý trong CSDL quốc gia về đất đai thì cơ quan thực hiện TTHC khai thác, kiểm tra thông tin để giải quyết TTHC theo quy định.

+ Việc khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành góp phần giảm giấy tờ phải cung cấp, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân, đồng thời thực hiện mục tiêu tại điểm d khoản 2 Mục II Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về việc bảo đảm thông tin, giấy tờ, tài liệu trong TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước và phù hợp với định hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Chính phủ; Bộ Y tế.

b. Kiến nghị thực thi:

- *Kiến nghị Chính phủ*:

Sửa đổi khoản 4 Điều 32 Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống mua bán người.

- *Kiến nghị Bộ Y tế*:

Sửa đổi thành phần hồ sơ của TTHC “Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân” tại điểm a, khoản 3.3, tiểu mục 3, mục A Phần II nội dung cụ thể của từng TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế ban hành kèm Quyết định số 2179/QĐ-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Theo quy định Quyết định số 2179/QĐ-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế, tổ chức, cá nhân nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình của bên cho thuê/cho mượn (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở) là bản chính, bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử. Các thông tin này đã được cập nhật trong cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ quan nhà nước có thể khai thác để phục vụ giải quyết TTHC. Việc yêu cầu nộp lại các giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu làm phát sinh thêm thời gian tra cứu, sao chụp, chứng thực (nếu có), hoàn thiện hồ sơ và nộp tài liệu, làm tăng chi phí tuân thủ của tổ chức, cá nhân. Sau khi đơn giản hóa, cơ quan giải quyết TTHC chủ động khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tổ chức, cá nhân không phải chuẩn bị và nộp lại các

giấy tờ này, qua đó giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ và chi phí tuân thủ. Ước tính thời gian thực hiện giảm từ 02 ngày xuống còn 01 ngày/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày năm 2025) $\times$ 02 ngày = 1.142.878 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 1.142.878 đồng $\times$ 01 hồ sơ (ước tính tiếp nhận năm 2026) = 1.142.878 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày năm 2025) $\times$ 01 ngày = 571.439 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 571.439 đồng $\times$ 01 hồ sơ (ước tính tiếp nhận năm 2026) = 571.439 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 1.142.878 đồng – 571.439 đồng = 571.439 đồng/01 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2026: 571.439 đồng $\times$ 01 hồ sơ = 571.439 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

7. Thủ tục Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân. Mã TTHC: 2.000027

a. Nội dung đơn giản hóa: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở trong trường hợp thông tin về Giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và có thể khai thác, sử dụng để giải quyết TTHC.

- Lý do:

+ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai đã được công bố tại Quyết định số 11/2026/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo cơ sở cho việc kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin phục vụ giải quyết TTHC. Trường hợp thông tin về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở đã được cập nhật, quản lý trong CSDL quốc gia về đất đai thì cơ quan thực hiện TTHC khai thác, kiểm tra thông tin để giải quyết TTHC theo quy định.

+ Việc khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành góp phần giảm giấy tờ phải cung cấp, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân, đồng thời thực hiện mục tiêu tại điểm d khoản 2 Mục II Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về việc bảo đảm thông tin,

giấy tờ, tài liệu trong TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước và phù hợp với định hướng đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Chính phủ; Bộ Y tế.

b. Kiến nghị thực thi:

- *Kiến nghị Chính phủ*:

Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 34 Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống mua bán người.

- *Kiến nghị Bộ Y tế*:

Sửa đổi thành phần hồ sơ của TTHC “Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân” tại điểm a, khoản 4.3, tiểu mục 4, mục A Phần II nội dung cụ thể của từng TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế ban hành kèm Quyết định số 2179/QĐ-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Theo quy định Quyết định số 2179/QĐ-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế, tổ chức, cá nhân nộp Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở. Các thông tin này đã được cập nhật trong cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ quan nhà nước có thể khai thác để phục vụ giải quyết TTHC. Việc yêu cầu nộp lại các giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu làm phát sinh thêm thời gian tra cứu, sao chụp, chứng thực (nếu có), hoàn thiện hồ sơ và nộp tài liệu, làm tăng chi phí tuân thủ của tổ chức, cá nhân. Sau khi đơn giản hóa, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính chủ động khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tổ chức, cá nhân không phải chuẩn bị và nộp lại các giấy tờ này, qua đó giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ và chi phí tuân thủ. Ước tính thời gian thực hiện giảm từ 02 ngày xuống còn 01 ngày/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày năm 2025) $\times$ 02 ngày = 1.142.878 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 1.142.878 đồng $\times$ 01 hồ sơ (ước tính tiếp nhận năm 2026) = 1.142.878 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày năm 2025) $\times$ 01 ngày = 571.439 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: $571.439 \text{ đồng} \times 01 \text{ hồ sơ}$ (ước tính tiếp nhận năm 2026) = 571.439 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: $1.142.878 \text{ đồng} - 571.439 \text{ đồng} = 571.439 \text{ đồng/01 hồ sơ}$.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2026: $571.439 \text{ đồng} \times 01 \text{ hồ sơ} = 571.439 \text{ đồng/năm}$.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

8. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền). Mã TTHC: 1.014076

a. Nội dung đơn giản hóa: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở trong trường hợp thông tin về Giấy tờ, chứng chỉ đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và có thể khai thác, sử dụng để giải quyết TTHC.

- Lý do:

+ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã được công bố tại Quyết định số 11/2026/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo cơ sở cho việc kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin phục vụ giải quyết TTHC. Trường hợp thông tin về đã được cập nhật, quản lý trong CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì cơ quan thực hiện TTHC khai thác, kiểm tra thông tin để giải quyết TTHC theo quy định.

+ Việc khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành góp phần giảm giấy tờ phải cung cấp, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân, đồng thời thực hiện mục tiêu tại điểm d khoản 2 Mục II Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về việc bảo đảm thông tin, giấy tờ, tài liệu trong TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước và phù hợp với định hướng đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ; Bộ Y tế.

b. Kiến nghị thực thi

- *Kiến nghị Chính phủ:*

Sửa đổi Khoản 4 Điều 20 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược.

- Kiến nghị Bộ Y tế:

Sửa đổi thành phần hồ sơ của TTHC “Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)” tại mục 2 Phần II nội dung cụ thể của TTHC được ban hành kèm Quyết định số 2014/QĐ-BYT ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố TTHC lĩnh vực dược phẩm theo quy định tại Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm đơn giản hóa TTHC, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Theo quy định hiện hành, cơ sở chuẩn bị và nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở Dược là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu. Các thông tin này đã được cập nhật trong cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ quan nhà nước có thể khai thác để phục vụ giải quyết TTHC. Việc yêu cầu nộp lại các giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu làm phát sinh thêm thời gian tra cứu, sao chụp, chứng thực (nếu có), hoàn thiện hồ sơ và nộp tài liệu, làm tăng chi phí tuân thủ của tổ chức, cá nhân. Sau khi đơn giản hóa, cơ quan giải quyết TTHC chủ động khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tổ chức, cá nhân không phải chuẩn bị và nộp lại các giấy tờ này, qua đó giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ và chi phí tuân thủ. Ước tính thời gian thực hiện giảm từ 02 ngày xuống còn 01 ngày/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày năm 2025) $\times$ 02 ngày = 1.142.878 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 1.142.878 đồng $\times$ 700 hồ sơ (ước tính tiếp nhận năm 2026) = 800.014.600 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày năm 2025) $\times$ 01 ngày = 571.439 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 571.439 đồng $\times$ 700 hồ sơ (ước tính tiếp nhận năm 2026) = 400.007.300 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 1.142.878 đồng – 571.439 đồng = 571.439 đồng/01 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2026: 571.439 đồng $\times$ 700 hồ sơ = 400.007.300 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

9. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế. Mã TTHC: 1.013855

a. Nội dung đơn giản hóa: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở) trong trường hợp thông tin về Giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và có thể khai thác, sử dụng để giải quyết TTHC.

- Lý do:

+ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã được công bố tại Quyết định số 11/2026/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo cơ sở cho việc kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin phục vụ giải quyết TTHC. Trường hợp thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở) đã được cập nhật, quản lý trong CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì cơ quan thực hiện TTHC khai thác, kiểm tra thông tin để giải quyết TTHC theo quy định.

+ Việc khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành góp phần giảm giấy tờ phải cung cấp, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân, đồng thời thực hiện mục tiêu tại điểm d khoản 2 Mục II Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về việc bảo đảm thông tin, giấy tờ, tài liệu trong TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước và phù hợp với định hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ; Bộ Y tế.

b. Kiến nghị thực thi

- *Kiến nghị Chính phủ:*

Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 67/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.

- *Kiến nghị Bộ Y tế:*

Sửa đổi thành phần hồ sơ của TTHC “Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế” tại Mục 4 Phần II nội dung cụ thể của các TTHC ban hành kèm Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố TTHC mới ban hành và bị bãi bỏ

trong lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Theo quy định hiện hành, cơ sở chuẩn bị và nộp Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở). Các thông tin này đã được cập nhật trong cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ quan nhà nước có thể khai thác để phục vụ giải quyết TTHC. Việc yêu cầu nộp lại các giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu làm phát sinh thêm thời gian tra cứu, sao chụp, chứng thực (nếu có), hoàn thiện hồ sơ và nộp tài liệu, làm tăng chi phí tuân thủ của tổ chức, cá nhân. Sau khi đơn giản hóa, cơ quan giải quyết TTHC chủ động khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tổ chức, cá nhân không phải chuẩn bị và nộp lại các giấy tờ này, qua đó giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ và chi phí tuân thủ. Ước tính thời gian thực hiện giảm từ 02 ngày xuống còn 01 ngày/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày năm 2025) $\times$ 02 ngày = 1.142.878 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 1.142.878 đồng $\times$ 500 hồ sơ (ước tính tiếp nhận năm 2026) = 571.439.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày năm 2025) $\times$ 01 ngày = 571.439 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 571.439 đồng $\times$ 500 hồ sơ (ước tính tiếp nhận năm 2026) = 285.719.500 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 1.142.878 đồng – 571.439 đồng = 571.439 đồng/01 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2026: 571.439 đồng $\times$ 500 hồ sơ = 285.719.500 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.